TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/LĐ-ST
Ngày: 29/5/2026
V/v "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đinh Thị Diễm Kiều

2/ Ông Trần Thế Hùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Không tham gia

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2025/TLST- LĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025, về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3250/2026/QĐXXST-LĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Trần Minh C, sinh năm 2000 (có mặt)

Thường trú: Khu dân cư S, thôn P, xã M, tỉnh Quảng Ngãi

Tạm trú: 73H đường T, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Bị đơn: Công ty TNHH Y

Trụ sở: Tầng G, K, ngõ F, Phố T, phường G, Thành phố Hà Nội

Văn phòng đại diện: 67-69 đường V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

Có người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Lee Jae H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Tầng G, K, ngõ F, Phố T, phường G, Thành phố Hà Nội

Có người phiên dịch: Ông Trương Văn N, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: 1 N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 67-69 đường V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

2/ Ông Trương Văn N, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: 1 N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: 67-69 đường V, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2025 và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 02/01/2025, ông và Công ty TNHH Y (sau đây viết tắt là Công ty Y) đã ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng, từ ngày 02/01/2025 đến ngày 31/12/2025, công việc chính của ông là kỹ sư kinh doanh, mức lương cơ bản là 11.100.000 đồng, phụ cấp cơm trưa 1.150.000 đồng, phụ cấp điện thoại 650.000 đồng, phụ cấp chức vụ 2.081.250 đồng, tổng thu nhập hằng tháng là 15.381.250 đồng.

Ngày 28/7/2025, Công ty thông báo bằng email cho ông với nội dung hợp đồng lao động của ông sẽ kết thúc sau 01 tháng, tức ngày 30/8/2025. Sau khi nhận email này ông và Công ty có trao đổi bằng email về việc đền bù hợp đồng lao động, ông yêu cầu công ty Đ theo quy định của Luật Lao động Việt Nam nhưng công ty không đồng ý, công ty yêu cầu làm theo hợp đồng là thông báo trước 01 tháng thì chấm dứt hợp đồng.

Đến ngày 30/7/2025, công ty yêu cầu ông ngừng làm việc ngay lập tức, thu hồi toàn bộ thiết bị làm việc, khóa quyền truy cập email và các tài khoản phục vụ công việc, đồng thời không bố trí cho ông tiếp tục làm việc. Việc này Công ty thực hiện một cách đơn phương, không có biên bản làm việc, không họp xử lý kỷ luật và không có quyết định chấm dứt hợp đồng lao động hợp pháp. Từ sau ngày 30/7/2025, ông không còn được công ty bố trí công việc mặc dù hợp đồng lao động vẫn còn hiệu lực, công ty vẫn chi trả lương cho ông đến hết ngày 30/8/2025.

Quá trình làm việc, ông không vi phạm và không nhận được bất kỳ văn bản nào về việc xử lý kỷ luật. Do đó, nay ông khởi kiện yêu cầu:

- Xác định việc Công ty TNHH Y đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông là trái pháp luật, ông không yêu cầu quay trở lại làm việc.

- Buộc Công ty thực hiện nghĩa vụ theo Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019, bao gồm:

+ Bồi thường tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/9/2025 đến ngày 31/12/2025 (04 tháng) tương ứng với số tiền 52.725.000 đồng.

+ Trả khoản bồi thường ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động tương ứng với số tiền 26.362.500 đồng.

+ Thanh toán khoản tiền lương tương ứng với thời gian không báo trước khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 với số tiền là 13.181.250 đồng.

+ Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong thời gian từ ngày 01/9/2025 đến ngày 31/12/2025.

- Buộc Công ty ban hành văn bản quyết định chấm dứt hợp đồng lao động để ông hoàn thành thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp.

* Bị đơn Công ty TNHH Y có người đại diện theo ủy quyền trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Công ty Y có giao kết hợp đồng lao động với ông C như ông C đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù ông C có mắc một số sai lầm nhưng công ty vẫn tạo cơ hội để ông C khắc phục. Tuy nhiên, hiệu suất làm việc của ông C dần dần vượt quá giới hạn, cuối cùng đến mức ông C phải công khai xin lỗi trước toàn thể nhân viên. Đến cuộc họp với trụ sở chính tại Hàn Quốc vào tháng 7/2025 đã vượt quá tầm kiểm soát của công ty, ông C không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Theo ý kiến từ trụ sở chính yêu cầu chấm dứt hợp đồng lao động với ông C do ông C không hoàn thành nhiệm vụ, ngày 28/7/2025, Công ty thông báo bằng email cho ông C về việc công ty đã quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C vào ngày 30/8/2025. Công ty chưa ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C.

Nay với những yêu cầu khởi kiện của ông C thì công ty không đồng ý, công ty chỉ đồng ý thanh toán cho ông C số tiền của 04 tháng lương x 11.181.250 đồng = 44.725.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp lao động về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nên căn cứ khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Nguyên đơn có nơi tạm trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và chọn Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan giải quyết tranh chấp nên căn cứ Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh: Đây là vụ án dân sự tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động và Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về hợp đồng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động:

Các đương sự thống nhất ý kiến về việc giao kết hợp đồng lao động nên căn cứ hợp đồng lao động ngày 02/01/2025 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 02/01/2025, ông C và Công ty Y đã ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng, từ ngày 02/01/2025 đến ngày 31/12/2025, công việc chính của ông C là kỹ sư kinh doanh, mức lương cơ bản là 11.100.000 đồng, phụ cấp cơm trưa 1.150.000 đồng, phụ cấp điện thoại 650.000 đồng, phụ cấp chức vụ 2.081.250 đồng, tổng thu nhập hằng tháng là 15.381.250 đồng.

Hợp đồng lao động được hai bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó căn cứ quy định tại Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2019 thì hợp đồng lao động có hiệu lực kể từ ngày hai bên giao kết.

Các đương sự thống nhất ý kiến ngày 28/7/2025 Công ty Y đã gửi email cho ông C thông báo về việc hợp đồng lao động với ông C sẽ kết thúc sau 01 tháng, tức ngày 30/8/2025 và Công ty Y không ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, nay ông C yêu cầu Công ty Y ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về tính hợp pháp của việc chấm dứt hợp đồng lao động:

Ngày 28/7/2025 Công ty Y đã thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông C. Tuy nhiên, ông C không đồng ý với thông báo chấm dứt hợp đồng lao động này và đã có những email trao đổi với công ty, yêu cầu giải quyết bồi thường. Căn cứ Công ty Y quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông C là do ông C thường xuyên không hoàn thành công việc được giao.

Điểm a khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định:

"1. Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong các trường hợp sau đây:

a/ Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động được xác định theo tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc trong quy chế của người sử dụng lao động. Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc do người sử dụng lao động ban hành nhưng phải tham khảo ý kiến tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở".

Công ty trình bày ông C nhiều lần không hoàn thành công việc được giao nhưng đều không lập biên bản vi phạm, nay Công ty không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh và ông C không đồng ý với ý kiến này của Công ty. Do đó, có cơ sở xác định Công ty Y đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông C nên phải chịu trách nhiệm do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động năm 2019.

Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định về nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là: *phải*

nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết; phải trả tiền lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong những ngày người lao động không được làm việc và phải trả thêm cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Trường hợp vi phạm thời hạn báo trước quy định tại khoản 2 Điều 36 của Bộ luật này thì phải trả một khoản tiền tương ứng với tiền lương theo hợp đồng lao động trong những ngày không báo trước.

[3.3] Về yêu cầu thanh toán tiền do vi phạm thời gian báo trước:

Khoản 2 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng thì khi người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì phải báo trước ít nhất 30 ngày.

Ngày 28/7/2025, Công ty Y thông báo cho ông C thôi việc vào ngày 30/8/2025. Mặc dù ngày 30/7/2025 Công ty đã thu hồi phương tiện làm việc của ông C, không yêu cầu ông C đến làm việc nhưng Công ty vẫn trả lương cho ông C đến hết tháng 8/2025. Như vậy, Công ty Y không vi phạm thời gian báo trước. Do đó, ông C yêu cầu Công ty Y thanh toán khoản tiền lương tương ứng với thời gian không báo trước với số tiền 13.181.250 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Về các yêu cầu khởi kiện còn lại:

Ông C yêu cầu Công ty Y thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 01/9/2025 đến ngày 31/12/2025, bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và đóng bảo hiểm xã hội cho ông C trong thời gian từ ngày 01/9/2025 đến ngày 31/12/2025 là phù hợp với quy định tại Điều 41 Bộ luật Lao động năm 2019 nên có cơ sở chấp nhận.

Tiền lương hằng tháng của ông C được ghi nhận tại hợp đồng lao động bao gồm mức lương cơ bản là 11.100.000 đồng, phụ cấp cơm trưa 1.150.000 đồng, phụ cấp điện thoại 650.000 đồng, phụ cấp chức vụ 2.081.250 đồng. Do đó, mức tiền lương làm căn cứ bồi thường bao gồm mức lương cơ bản là 11.100.000 đồng và phụ cấp chức vụ 2.081.250 đồng, tổng cộng là 13.181.250 đồng.

Cụ thể số tiền Công ty Y thanh toán cho ông C là:

Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/9/2025 đến ngày 31/12/2025 là 13.181.250 đồng/tháng x 04 tháng = 52.725.000 đồng.

Bồi thường 02 tháng tiền lương là 13.181.250 đồng/tháng x 02 tháng = 26.362.500 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty Y phải trả cho ông C là 79.087.500 đồng.

[4] Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty Y phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận là 2.372.625 đồng.

Ông C phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 395.438 đồng. Tuy nhiên, ông C có đơn yêu cầu miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu miễn án phí cho ông C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 32, Điều 35, Điểm đ Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 25, Điều 36, Điều 41, Điều 46 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C:

- Tuyên Công ty TNHH Y đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Trần Minh C.

- Buộc Công ty TNHH Y ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông Trần Minh C, thời gian chấm dứt hợp đồng lao động ngày 30/8/2025.

- Buộc Công ty TNHH Y thanh toán cho ông Trần Minh C số tiền 79.087.500 (bảy mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm) đồng, trong đó:

+ Tiền lương trong những ngày không được làm việc từ ngày 01/9/2025 đến ngày 31/12/2025 là 52.725.000 (năm mươi hai triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

+ Bồi thường thiệt hại là 26.362.500 (hai mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm) đồng.

- Buộc Công ty TNHH Y phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc và trích từ tiền lương của ông Trần Minh C được bồi thường nêu trên đối với phần

ông Trần Minh C phải đóng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Trần Minh C theo quy định của pháp luật từ ngày 01/9/2025 đến ngày 31/12/2025 theo mức lương 13.181.250 đồng/tháng tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền.

Việc đóng bảo hiểm xã hội Công ty TNHH Y phải thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và phải hoàn trả sổ Bảo hiểm xã hội ngay cho ông Trần Minh C sau khi có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội.

Kể từ ngày ông Trần Minh C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Y còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C về việc yêu cầu Công ty TNHH Y thanh toán khoản tiền lương tương ứng với thời gian không báo trước với số tiền là 13.181.250 (mười ba triệu một trăm tám mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi) đồng.

3/ Án phí lao động sơ thẩm:

Miễn án phí lao động sơ thẩm cho ông Trần Minh C. Ông Trần Minh C đã được miễn tạm ứng án phí lao động sơ thẩm.

Công ty TNHH Y phải nộp 2.372.625 (hai triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng án phí lao động sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 2 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy